

Số: DBLU_19/15h30/DBQG

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2024

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG THAO, SÔNG LÔ, SÔNG CẦU,
SÔNG THƯƠNG, SÔNG HOÀNG LONG
TIN LŨ TRÊN SÔNG THÁI BÌNH, SÔNG LỤC NAM VÀ SÔNG HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh), sông Thương (tỉnh Bắc Giang), sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương), sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đang lên.

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái đang xuống; tại Phú Thọ đã đạt đỉnh ở mức 18,34m, trên BĐ2 0,14m và đang xuống.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang đang xuống; tại Vụ Quang (tỉnh Phú Thọ) đang biến đổi chậm ở mức đỉnh lũ.

- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) đang biến đổi chậm.

- Lũ trên sông Lục Nam (Bắc Giang) đang biến đổi chậm.

Mức nước lúc 13h/11/9, trên các sông như sau:

- Trên sông Thao tại Yên Bái 33,43m, trên BĐ3 1,43m; tại Phú Thọ 18,19m, dưới BĐ2 0,01m;

- Trên sông Cầu tại Đáp Cầu 7,37m, trên BĐ3 1,07m;

- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,18m, trên BĐ3 0,88m;

- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,11m, dưới BĐ3 0,19m;

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang 27,47m, trên BĐ3 1,47m; tại Vụ Quang 21,16m, trên BĐ3 0,66m.

- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,47m, trên mức BĐ3 0,47m;

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 5,98m, dưới mức BĐ3 0,02m;

- **Trên sông Hồng tại Hà Nội 11,14m, dưới BĐ3 0,36m.**

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống dưới mức BĐ3; tại Phú Thọ sẽ xuống nhưng vẫn ở trên mức BĐ1.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống mức BĐ3.

- Lũ trên sông Cầu tiếp tục lên trên mức BĐ3

- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3

- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3

- Lũ trên sông Thái Bình tiếp tục lên trên mức BĐ3

- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3

- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ2 và dưới BĐ3**

Trong 12- 24 giờ tiếp theo:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống dưới mức BĐ2; tại Phú Thọ sẽ xuống dưới mức BĐ1.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống dưới mức BĐ3.

- Lũ trên sông Cầu tiếp tục lên trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Thương sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ3
- Lũ trên sông Thái Bình tiếp tục lên trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm trên mức BĐ3
- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ biến đổi chậm ở mức BĐ2.**

(Chi tiết mực nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước các trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng- Thái Bình lên mức BĐ3 và trên BĐ3. Mực nước lũ lên cao gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính, gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê kè ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu thuộc hệ thống đê, kè, công trình ven sông thuộc các tỉnh: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Tình trạng ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hòa Bình; lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ *(thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất).*

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên các sông, suối lên gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bờ bãi ven sông bị nước xâm lấn, nhiều diện tích bãi nổi giữa sông bị ngập sâu. ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 21h30 ngày 11/9/2024

Tin phát lúc: 15h30

GIÁM ĐỐC



Mai Văn Khiêm

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			13h/11/9	19h/11/9	01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Thao	Yên Bái	H (cm)	3343	3270	3210	3170	3130						
		So sánh (cm)	>BĐ3 143	>BĐ3 70	>BĐ3 10	<BĐ3 30	>BĐ2 30						
Thao	Phú Thọ	H (cm)	1819	1800	1770	1740	1700						
		So sánh (cm)	<BĐ2 1	BĐ2	>BĐ1 20	<BĐ1 10	<BĐ1 50						
Cầu	Đáp Cầu	H (cm)	737	745	755	760	765	770					
		So sánh (cm)	>BĐ3 107	>BĐ3 115	>BĐ3 125	>BĐ3 130	>BĐ3 135	>BĐ3 140					
Thương	Phủ Lạng Thương	H (cm)	718	730	730	725	720	720				730	
		So sánh (cm)	>BĐ3 88	>BĐ3 100	>BĐ3 100	>BĐ3 95	>BĐ3 90	>BĐ3 95				>BĐ3 100	Đêm 11/9
Lục Nam	Lục Nam	H (cm)	611	615	615	620	620	615					
		So sánh (cm)	<BĐ3 19	<BĐ3 15	<BĐ3 15	<BĐ3 10	<BĐ3 10	<BĐ3 15					
Thái Bình	Phả Lại	H (cm)	598	605	615	625	635	640	645	650			
		So sánh (cm)	<BĐ3 2	>BĐ3 5	>BĐ3 15	>BĐ3 25	>BĐ3 35	>BĐ3 40	>BĐ3 45	>BĐ3 50			
Lô	Tuyên Quang	H (cm)	2747	2700	2650	2600	2560	2530					
		So sánh (cm)	>BĐ3 147	>BĐ3 100	>BĐ3 50	BĐ3	<BĐ3 40	<BĐ3 70					
	Vụ Quang	H (cm)	2116	2100	2080	2050	2010						
		So sánh (cm)	>BĐ3 66	>BĐ3 50	>BĐ3 30	BĐ3	<BĐ3 40						

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			13h/11/9	19h/11/9	01h/12/9	07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Hoàng Long	Bến Đé	H (cm)	447	430	420	410	400						
		So sánh (cm)	>BĐ3 47	>BĐ3 30	>BĐ3 20	>BĐ3 10	BĐ3						
Hồng	Hà Nội	H (cm)	1114	1130	1120	1100	1080	1060	1040	1020	1000	1130-1140	Chiều tối ngày 11/9
		So sánh (cm)	<BĐ3 36	<BĐ3 20	<BĐ3 30	<BĐ3 50	>BĐ2 30	>BĐ2 10	<BĐ2 10	<BĐ2 30	<BĐ2 50	<BĐ3 20-30	

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

TT	Tỉnh	Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt
1	Yên Bái	Yên Bái, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Trấn, Lục Yên, Yên Bình, Trạm Tấu
2	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam
3	Thái Nguyên	Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên
4	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong,
6	Phú Thọ	Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng.
7	Tuyên Quang	Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
8	Hà Nội	Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh
9	Ninh Bình	Nho Quan, Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình, Yên Khánh
10	Hải Dương	Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương
11	Thái Bình	Hưng Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình
12	Nam Định	Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy
13	Hà Nam	Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm
14	Vĩnh Phúc	Yên Lạc, Lập Thạch